

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định nội dung chi và mức chi
của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 đã được sửa đổi,
bổ sung một số điều bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật
số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của
Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục
sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề
điều và phòng, chống thiên tai;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày
01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống
thiên tai;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên
tai;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã
hội;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của
Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định nội dung chi
và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và
mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 6 năm 2026.
2. Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Sóc Trăng hết hiệu lực từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VB&TCTHPL);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố;
- VP Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các sở, ban ngành thành phố;
- UBND xã, phường;
- Công báo thành phố, Cổng TTĐT thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT.HN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Chí Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Nội dung chi và mức chi
của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 61/2026/QĐ-UBND ngày 01/6/2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là Quỹ).

b) Những nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai không quy định tại Quy định này áp dụng theo quy định tại các văn bản của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, học tập, làm việc hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

b) Cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ quản lý hoạt động Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Nguyên tắc chi Quỹ

1. Việc chi Quỹ phải đảm bảo đúng đối tượng, định mức phù hợp, kịp thời, hiệu quả, công khai, minh bạch.

2. Hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu theo khoản 1 Điều 4 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ.

Điều 3. Nguồn tài chính Quỹ

Nguồn tài chính Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Điều 16 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ.

Chương II
NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI**Điều 4. Nội dung chi và mức chi****1. Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai**

a) Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán: các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện theo kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai được cấp thẩm quyền phê duyệt; sau đó, tổng hợp, thống kê chi phí thực tế, báo cáo cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

b) Hỗ trợ tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai:

- Đối với người không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước: Mức chi 150.000 đồng/người/ngày (trường hợp được huy động vào ban đêm từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau mức hỗ trợ gấp đôi).

- Đối với người được hưởng lương từ ngân sách Nhà nước: Mức chi bằng 0,1 lần mức lương cơ sở người/ngày, nếu làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau được tính gấp đôi.

2. Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai:

- Cứu trợ khẩn cấp về lương thực: Hỗ trợ 15kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp đối với các thành viên hộ gia đình thiếu đói trong và sau thiên tai.

- Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng thiệt hại do thiên tai: Hộ nghèo, người già neo đơn, phụ nữ mang thai, phụ nữ nuôi con nhỏ dưới 36 tháng mức chi 600.000

đồng/người/đợt thiên tai. Hộ cận nghèo, hộ gia đình khó khăn, trẻ em mồ côi mức chi 500.000 đồng/người/đợt thiên tai. Đối tượng khác mức chi 300.000 đồng/người/đợt thiên tai.

b) Hỗ trợ chi phí mai táng cho gia đình có người chết, mất tích do thiên tai: Mức chi theo thực tế nhưng không quá 25.000.000 đồng/người.

c) Hỗ trợ tu sửa nhà ở

- Hộ có nhà ở bị đổ, sập, cuốn trôi do bão, áp thấp nhiệt đới, lốc xoáy, mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở, sụt lún đất bị hư hại hoàn toàn: mức chi tối đa không quá 40.000.000 đồng.

- Hộ trợ di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, ngập lụt, thiên tai, hỏa hoạn: mức chi 30.000.000 đồng/hộ.

- Hộ có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai mà không ở được: mức chi không quá 20.000.000 đồng.

- Hộ có nhà ở bị hư hỏng một phần do thiên tai nhưng vẫn còn ở được và không thuộc trường hợp bắt buộc phải di dời đến nơi ở mới: mức chi không quá 10.000.000 đồng.

d) Tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai: mức chi không quá 300.000.000 đồng.

đ) Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Mức chi không quá 30.000.000 đồng/phường, xã/đợt theo kế hoạch, phương án, dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

e) Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở: Mức chi căn cứ theo dự toán kinh phí trên cơ sở nội dung công việc được cấp thẩm quyền phê duyệt.

g) Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai mức chi không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

h) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai: Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

3. Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa

a) Hỗ trợ hoạt động thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai: Mức chi căn cứ theo nội dung dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hỗ trợ lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai: Mức chi theo dự toán kinh phí hàng năm trên cơ sở nội dung công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm: Mức chi theo dự toán kinh phí hàng năm trên cơ sở nội dung công việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Hỗ trợ phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 09/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ, Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

đ) Hỗ trợ diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: mức chi theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

e) Hỗ trợ mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi căn cứ theo nội dung dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

g) Hỗ trợ tập huấn và duy trì hoạt động cho lực lượng xung kích, tình nguyện viên tham gia phòng, chống thiên tai cấp xã: Thực hiện theo quy định tại Mục 7 Chương 2 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ và khả năng cân đối của Quỹ.

h) Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: Mức chi theo nội dung dự toán hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

i) Hỗ trợ mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: Mức chi căn cứ theo nội dung dự toán hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ.

4. Hỗ trợ các hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 38 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Mức chi theo dự toán kinh phí hàng năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố hàng năm không quá 3% tổng số thu của Quỹ trong năm đó

a) Mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ kiêm nhiệm của Cơ quan quản lý Quỹ như sau:

Mức chi làm thêm giờ: mức chi theo quy định tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Chi tiền lương và các khoản trích theo lương cho lao động hợp đồng thực hiện một số công việc phục vụ hoạt động của Quỹ theo quy định hiện hành.

b) Chi sửa chữa, bảo dưỡng tài sản; chi thuê, mua công cụ, dụng cụ lao động, tài sản, thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của Quỹ; dịch vụ mua ngoài (tiền nhiên liệu, tiền điện, nước, điện thoại, bưu chính viễn thông, internet; kiểm toán; dịch vụ pháp lý; chi trả tiền sử dụng các tài liệu kỹ thuật, các dịch vụ kỹ thuật) và các chi phí khác phục vụ hoạt động của Quỹ: mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Chi hội nghị, tập huấn, họp khác liên quan đến hoạt động của Quỹ; công tác phí cho thành viên Quỹ và những người có liên quan khi đi công tác thực hiện nhiệm vụ của Quỹ: Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

Điều 5. Phân bổ Quỹ

Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp xã như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại tối đa 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu (không quá 5%); chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ (không quá 3%) và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã (không quá 20%). Số tiền thu quỹ còn lại (tối thiểu 72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố tại Kho bạc Nhà nước khu vực XIX.

2. Sau khi Ủy ban nhân dân cấp xã có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã đã sử dụng hết.

Điều 6. Thẩm quyền chi, báo cáo phê duyệt quyết toán, thanh tra, kiểm toán, giám sát và chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi Quỹ

Thực hiện theo quy định tại các Điều 17, Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành thành phố và địa phương có liên quan tổ chức triển khai Quy định này.

2. Đề nghị cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố và cấp xã tăng cường giám sát việc triển khai, thực hiện Quy định này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.